

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung của học phần

| | |
|--|---|
| 1.1 Mã học phần: 2022043 | 1.2 Tên học phần: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 3 |
| 1.3. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt | 1.4. Tên tiếng Anh: Financial accounting 3 |
| 1.5. Số tín chỉ: 03 | |
| 1.6. Phân bố thời gian: | |
| - Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| - Thực hành | |
| - Tự học: | 90 giờ |
| 1.7. Các giảng viên phụ trách học phần (dự kiến): | |
| - Giảng viên phụ trách chính: | TS. Nguyễn Thanh Sơn |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lý Phát Cường |
| 1.8. Điều kiện tham gia học phần: | |
| - Học phần tiên quyết: | Nguyên lý Kế toán, Kế toán tài chính 1, 2 |
| - Học phần học trước: | Tên các học phần trước (nếu có): Kế tài chính 2 |
| 1.9. Đơn vị phụ trách học phần: | Bộ môn Kế toán/ Khoa Kinh tế - Tài chính |
| 1.10. Ngành đào tạo: | Kế toán |

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan kế toán doanh nghiệp, các khái niệm, một số quy định về đầu tư bất động sản, đầu tư tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp; kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp; để sinh viên dễ dàng tiếp cận với kiến thức kế toán doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có khả năng:

2.2.1. Về kiến thức:

Trình bày được các nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư, đầu tư tài chính trong doanh nghiệp; kế toán đầu tư xây dựng cơ bản; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp; kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng:

+ Lập các loại chứng từ, định khoản, ghi sổ kế toán bất động sản đầu tư, đầu tư tài chính trong doanh nghiệp; kế toán đầu tư xây dựng cơ bản; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp; kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp.

+ Áp dụng lý thuyết các bài học vào thực tế tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Nhìn nhận đúng đắn về tầm quan trọng, vai trò kế toán của loại hình hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.

+ Có đức tính cẩn thận, chính xác, trung thực để đảm bảo yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp kế toán.

+ Có ý thức phục vụ tổ chức, cộng đồng, thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ với vị trí của mình đối với tổ chức, xã hội; có ý thức bảo vệ tài sản của tổ chức, bảo vệ môi trường sống, làm việc và học tập.

3. Chuẩn đầu ra của HP

Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

| Ký hiệu CĐR HP | Nội dung CĐR HP (CLO) |
|----------------|--|
| CLO1 | Trình bày được hệ thống các văn bản pháp luật cơ bản liên quan đến hoạt động đầu tư bất động sản, đầu tư tài chính; |
| CLO2 | Trình bày được hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến kế toán tài chính trong hoạt động đầu tư; chi phí sản xuất kinh doanh; |
| CLO3 | Trình bày được các văn bản pháp luật liên quan đến kế toán tài chính trong chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm; |
| CLO4 | Trình bày được các văn bản pháp luật liên quan đến kế toán tài chính trong lĩnh vực xây lắp và sản xuất nông nghiệp; |
| CLO5 | Áp dụng được các qui định hiện hành kế toán trong các hoạt động đầu tư, xây lắp và nông nghiệp; |
| CLO6 | Áp dụng được các qui định hiện hành kế toán trong việc tính giá thành sản phẩm xây lắp và nông nghiệp. |

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (mức M) hay mức thuần thực (H)

Bảng 4.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

| PLO | PLO1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 | PLO 10 |
|-------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|
| CLO 1 | H | M | | | | | | | M | M |
| CLO 2 | M | H | | L | | | | | M | L |
| CLO 3 | M | H | | L | | | | | M | L |

| | | | | | | | | | |
|-------------------|---|---|--|---|--|--|--|---|---|
| CLO4 | M | H | | M | | | | M | L |
| CLO5 | L | H | | M | | | | M | M |
| CLO6 | L | H | | M | | | | M | M |
| Tổng hợp học phần | M | H | | M | | | | M | M |

5. Đánh giá HP

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 5.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

| Đánh giá | Trọng số | Hình thức đánh giá | Nội dung | Trọng số con | Phương pháp đánh giá | Lquan đến CDR | HD PP đánh giá |
|--------------------|----------|--------------------|--|--------------|----------------------|----------------------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| (1) Điểm quá trình | 40% | Chuyên cần | Tham gia đủ 80 % số buổi | 20% | | CLO 1 CLO 2 | - Điểm danh - Đánh giá hoạt động trên lớp |
| | | Kiểm tra giữa kỳ | Tuần 10, các chương từ 1-5 | 20% | Bài thi giữa kỳ | CLO 3 | - Bài thi tự luận |
| | | | | 40% | | CLO 3 CLO 4 | |
| (2) Điểm cuối kỳ | 60% | Thi cuối kỳ | (Bài ktra cuối kỳ: Thi trắc nghiệm theo NHĐT). | 60% | Bài thi kết thúc HP | CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 | - Bài thi tự luận |

b. Chính sách đối với HP

- Điểm Chuyên cần được tính như sau:
Sinh viên tham gia > 12 buổi học: 10 điểm;
10-11 buổi học : 9 điểm;
08-09 buổi học : 8 điểm;
06-07 buổi học : 7 điểm;
04-05 buổi học : 5 điểm;
< 04 buổi học : 0 điểm;
- Điểm Kiểm tra thường xuyên là điểm khuyến khích sinh viên học tập chủ động, sáng tạo trong suốt quá trình học; được cho dưới hình thức điểm cộng hoặc trừ, và được cộng dồn trong cả quá trình học;
- Điểm cuối cùng của Kiểm tra thường xuyên là từ 0 đến 10 (không có điểm âm);
- Sinh viên đạt điểm Kiểm tra thường xuyên > 10 sẽ được cộng phần dư vào điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Bài thi kết thúc HP sẽ dùng để đánh giá mức độ kiến thức đối với HP như sau:
+ Điểm 4,0-5,4: SV đáp ứng yêu cầu đánh giá ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.
+ Điểm 5,5-6,9: SV thể hiện được khả năng sử dụng các nội dung lý thuyết khi đưa ra các kết luận trong bài thi.
+ Điểm 7,0-8,4: SV thể hiện được khả năng lập luận logic, mạch lạc, kết cấu hợp lý được khi đưa ra các kết luận trong bài thi.
+ Điểm 8,5-10: SV thể hiện được tuy duy sáng tạo, tư duy tổng hợp cao trong bài thi; vận dụng được các thông tin và lập luận xác đáng/thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 6.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP

| Tuần / Tiết | Nội dung | Số tiết (LT/T H/TT) | CDR của bài học | Lquan đến CDR | PP giảng | Hoạt động học | Tên bài |
|-------------|----------|---------------------|-----------------|---------------|----------|---------------|---------|
|-------------|----------|---------------------|-----------------|---------------|----------|---------------|---------|

| | | | | | dạy đạt CDR | của SV(*) | đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1 |
|-----|--|-----|---|--|--|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Kế toán bất động sản đầu tư trong doanh nghiệp 1.1. Khái niệm 1.2. Một số quy định liên quan đến bất động sản đầu tư | 3 | 1.1. Trình bày được tổng quan về Kế toán bất động sản đầu tư 1.2. Trình bày được khái niệm, một số quy định | CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 | -Thuyết giảng kiểu tích cực - Phát ý tưởng | - Nghe giảng - Nhận xét và Phát ý tưởng | |
| 2 | Chương 1. Kế toán bất động sản đầu tư trong doanh nghiệp (tt) 1.3. Tính giá bất động sản đầu tư 1.4. Khấu hao bất động sản đầu tư | 3 | 1.3. Trình bày được tính giá bất động sản đầu tư 1.4. Trình bày được khấu hao bất động sản đầu tư | CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 | -Thuyết giảng kiểu tích cực - Phát ý tưởng | - Nghe giảng - Nhận xét và Phát ý tưởng | Kiểm tra thường xuyên |
| 3 | Chương 1. Kế toán bất động sản đầu tư trong doanh nghiệp (tt) 1.5. Kế toán chi tiết 1.6. Kế toán tổng hợp | 3 | 1.5. Vận dụng kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp | CLO 5 CLO 6 | - Làm bài tập mẫu | - Làm bài tập thực hành | Kiểm tra thường xuyên |
| 4 | Chương 2. Kế toán bất động hoạt động đầu tư tài chính trong doanh nghiệp 2.1. Kế toán chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 3 | 2.1. Trình bày được tổng quan về Kế toán đầu tư tài chính | CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 | -Thuyết giảng kiểu tích cực - Phát ý tưởng | - Nghe giảng - Nhận xét và Phát ý tưởng | Kiểm tra thường xuyên |
| 5 | Chương 2. Kế toán bất động hoạt động đầu tư tài chính trong doanh nghiệp (tt) 2.2. Kế toán các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác 2.3. Kế toán dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng | 3 | 2.2. Trình bày được một số quy định đầu tư vốn vào các đơn vị khác 2.3. Trình bày Kế toán dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh 1.5. Vận dụng kế toán dự | CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 | -Thuyết giảng kiểu tích cực - Phát ý tưởng - Làm bài tập mẫu | - Nghe giảng - Nhận xét và Phát ý tưởng - Làm bài tập | Kiểm tra thường xuyên |

| | | | | | | | |
|----|---|---|---|--|--|---|-----------------------|
| | tồn thất đầu tư vào đơn vị khác | | phòng giám giá chứng khoán kinh doanh | | | thực hành | |
| 6 | Chương 2. Kế toán bất động sản đầu tư tài chính trong doanh nghiệp (tt) 2.4. Kế toán giao dịch hợp đồng hợp tác kinh doanh | 3 | 2.4. Vận dụng kế toán giao dịch hợp đồng hợp tác kinh doanh | CLO 5 CLO 6 | - Làm bài tập mẫu | - Làm bài tập thực hành | Kiểm tra thường xuyên |
| 7 | Chương 3. Kế toán xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp 3.1. Những vấn đề chung 3.2. Kế toán những nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 3 | 3.1. Trình bày được tổng quan về kế toán đầu tư xây dựng cơ bản 3.2. Vận dụng kế toán những nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6 | -Thuyết giảng kiểu tích cực - Phát ý tưởng - Làm bài tập mẫu | - Nghe giảng - Nhận xét và Phát ý tưởng - Làm bài tập thực hành | Kiểm tra thường xuyên |
| 8 | Chương 3. Kế toán xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp (tt) 3.2. Kế toán những nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản 3.3. Kế toán quá trình đầu tư xây dựng cơ bản và quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 3 | 3.2. Vận dụng kế toán những nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản 3.3. Vận dụng kế toán quá trình đầu tư xây dựng cơ bản | CLO 5 CLO 6 | - Làm bài tập mẫu | - Làm bài tập thực hành | Kiểm tra thường xuyên |
| 9 | Chương 3. Kế toán xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp 3.3. Kế toán quá trình đầu tư xây dựng cơ bản và quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 3 | 3.3. Vận dụng kế toán quá trình đầu tư xây dựng cơ bản | CLO 5 CLO 6 | - Làm bài tập mẫu | - Làm bài tập thực hành | Kiểm tra thường xuyên |
| 10 | Chương 4. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp 4.1. Một số vấn đề chung về sản phẩm xây lắp, chi phí sản xuất và tính giá thành xây lắp | 3 | 4.1. Trình bày được tổng quan về kế chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm | CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 | -Thuyết giảng kiểu tích cực - Phát ý tưởng | - Nghe giảng - Nhận xét và Phát ý tưởng | Kiểm tra thường xuyên |
| 11 | Chương 4. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản | 3 | 4.2. Vận dụng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành | CLO 5 CLO 6 | - Làm bài tập mẫu | - Làm bài tập thực hành | Kiểm tra thường xuyên |

| | | | | | | | |
|----|--|---|--|----------------------------------|---|--|-----------------------|
| | phẩm trong doanh nghiệp xây lắp (tt) 4.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp | | sản phẩm xây lắp | | | | |
| 12 | Chương 5. Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp 5.1. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp chi phối đến công tác kế toán | 3 | 5.1. Trình bày được tổng quan đặc điểm của sản xuất nông nghiệp chi phối đến công tác kế toán | CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 | -Thuyết giảng kiểu tích cực - Phát ý tưởng | - Nghe giảng - Nhận xét và Phát ý tưởng | Kiểm tra thường xuyên |
| 13 | Chương 5. Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp (tt) 5.2. Đặc điểm kế toán các yếu tố cơ bản của sản xuất trong doanh nghiệp nông nghiệp | 3 | 5.2. Vận dụng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp nông nghiệp | CLO 5 CLO 6 | - Làm bài tập mẫu | - Làm bài tập thực hành | Kiểm tra thường xuyên |
| 14 | Chương 5. Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp (tt) 5.3. Đặc điểm kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp nông nghiệp | 3 | 5.3. Vận dụng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp nông nghiệp | CLO 5 CLO 6 | - Làm bài tập mẫu | - Làm bài tập thực hành | Kiểm tra thường xuyên |
| 15 | Làm bài tập, ôn tập | 3 | | | | | |

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu:

Bảng 7.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

| TT | Tên tác giả | Năm XB | Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản | NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB |
|-----------------------------------|---|--------|--|-----------------------------------|
| Giáo trình chính | | | | |
| 1 | Tác giả PGS.TS. Võ Văn Nhị (chủ biên) | 2018 | Kế toán tài chính | NXB Tài Chính |
| Sách, giáo trình tham khảo | | | | |
| 2 | Bộ môn Kế toán tài chính - Trường ĐH Kinh tế Tp HCM | 2017 | Giáo trình kế toán tài chính - quyển 3 | NXB Lao Động |
| 3 | Tác giả PGS.TS. Võ Văn Nhị (chủ biên) | 2016 | Bài tập kế toán tài chính | NXB Kinh tế TP.HCM |

| | | | | |
|---|--------------|------|---|---------------|
| 4 | Bộ Tài Chính | 2017 | Chế độ kế toán theo thông tư số 200/2014/TT-BTC | NXB Tài Chính |
| 5 | | 2019 | Slides bài giảng của giáo viên | |

Bảng 7.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

| TT | Nội dung tham khảo | Link trang web | Ngày cập nhật |
|----|--------------------------|---|---------------|
| 1 | Thông tư 200/2014/TT-BTC | http://www.mof.gov.vn | |
| 2 | | | |

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 8.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

| TT | Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH | Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH | | Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương |
|----|---------------------------------------|--|----------|-------------------------------------|
| | | Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,... | Số lượng | |
| 1 | Cơ sở A hoặc D | Máy chiếu | 01 | Toàn bộ HP |
| 2 | Cơ sở A hoặc D | Bảng, viết bảng | 01 | |
| | | | | |

TP.HCM, ngày tháng năm 2019

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn